

# THỰC TRẠNG KIẾN THỨC CỦA NGƯỜI DÂN VỀ PHÒNG CHỐNG TAI NẠN THƯƠNG TÍCH TẠI 2 XÃ TỈNH THÁI BÌNH NĂM 2018

Phạm Anh Tuấn<sup>1</sup>, Đặng Thị Thu Nga<sup>2</sup>, Đinh Thị Kim Anh<sup>2</sup>

## TÓM TẮT

Từ tháng 10/2018 đến tháng 3/2019 chúng tôi tiến hành khảo sát thực trạng kiến thức về tai nạn thương tích của 363 người dân tại xã Vũ Chính thành phố Thái Bình và 356 người dân xã Vũ Hội huyện Vũ Thư tỉnh Thái Bình chúng tôi thu được kết quả: Tỷ lệ người dân được nghe nói về tai nạn thương tích chiếm 54,5%; kiến thức của người dân về tai nạn thương tích còn chưa tốt thể hiện đa số người dân chỉ biết về tai nạn giao thông (91,2%); tai nạn lao động là 78,7%; té ngã là 62,9%; các loại khác chiếm tỷ lệ thấp. Tỷ lệ người kể được 7 loại tai nạn thương tích trở lên chiếm 7,7%. Kiến thức của người dân về phòng chống tai nạn thương tích còn rất thấp. Ở đó có mối liên quan giữa trình độ học vấn và kiến thức về tai nạn thương tích; với kiến thức về phòng chống tai nạn thương tích và có mối liên quan với OR=9,3 và 4,7.

Từ khóa: Tai nạn thương tích, nguyên nhân tai nạn thương tích.

## ABSTRACT:

### THE ACTUAL SITUATION OF PEOPLE'S KNOWLEDGE ABOUT INJURY PREVENTION IN TWO COMMUNES OF THAI BINH PROVINCE IN 2018

We conduct a survey on the actual situation of people's knowledge about injury prevention of 363 people in Vu Chinh commune, Thai Binh city and 356 people in Vu Hoi commune, Vu Thu district, Thai Binh province from October 2018 to March 2019. We get the results: The percentage of people who heard about injury accidents accounted for 54.5%; people's knowledge about injury is not good, the most of people only know about traffic accidents (91.2%); the labor accidents for 78.8%; the fall for 62.9%; other types for a low rate. The percentage

of people who tell 7 types of injury or more for 7.7%. The knowledge's people about injury prevention is very low. There is a correlation between the education and the knowledge of injuries; and the knowledge of injury preventions OR=9.3 and 4.7.

**Key words:** Knowledge, Injury.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tại Việt Nam, tai nạn thương tích đang là một trong những nguyên nhân gây tử vong cao ở Việt Nam. Theo kết quả điều tra y tế Quốc gia 2001-2002, tai nạn đứng thứ tư trong các nguyên nhân gây tử vong. Trong đó, tai nạn thương tích chủ yếu là bỏng, đuối nước, ngã, giết người và bạo lực, ngộ độc, tự tử, tai nạn giao thông và các chấn thương có chủ định khác. Nguyên nhân của thực trạng tai nạn thương tích trên một phần do nhận thức của cộng đồng về phòng chống tai nạn thương tích còn hạn chế. Chính quyền các cấp chưa quan tâm đúng mức đến việc chỉ đạo và đầu tư thực hiện công tác phòng, chống tai nạn thương tích ở địa phương chính vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài với mục tiêu sau:

*Xác định kiến thức về tai nạn thương tích của người dân tại 2 xã tỉnh Thái Bình năm 2018.*

## II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Địa bàn nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại xã Vũ Chính - TP Thái Bình và xã Vũ Hội huyện Vũ Thư.

### 2.2. Đối tượng nghiên cứu

Người dân tại 2 xã điều tra, là những người sống, sinh hoạt và làm việc tại địa phương trong thời gian ít nhất là 01 năm.

### 2.3. Thời gian nghiên cứu

Từ tháng 10/2018 đến tháng 3/2019.

1. Trường Cao đẳng y tế Thái Bình

2. Trường Đại học Y Dược Thái Bình

» Ngày nhận bài: 01/11/2019 | » Ngày phản biện: 09/11/2019 | Ngày duyệt đăng: 15/11/2019

**2.4. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu được thực hiện theo thiết kế nghiên cứu dịch tễ học mô tả với điều tra cắt ngang. Việc điều tra cắt ngang được thực hiện qua:

+ Điều tra hộ gia đình (bao gồm tất cả những người sống trong gia đình theo tuổi, giới và các đặc

trung khác).

+ Điều tra tất cả những người trong hộ gia đình đó bị TNTT trong thời gian từ 01/10/2017 - 31/10/2018.

Phân tích và xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 18.0

**III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

*Bảng 3.1. Trình độ học vấn của đối tượng nghiên cứu*

Trình độ học vấn	Vũ Hội (n=356)		Vũ Chính (n=363)		Chung (n=719)	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tiểu học	70	19,6	11	3,0	81	11,2
THCS	210	59,0	166	45,7	376	52,3
THPT	69	19,4	157	43,3	227	31,6
Trên THPT	7	2,0	29	8,0	35	4,9

Kết quả bảng 3.11 cho thấy đối tượng được phỏng vấn có trình độ học vấn là THCS chiếm 52,3%; sau đến

THPT chiếm 31,6%; tiểu học chiếm 11,2%; đối tượng có trình độ trên THPT chỉ chiếm 4,9%.

*Bảng 3.2. Kiến thức của người dân về các loại tai nạn thương tích*

Loại TNTT	Vũ Hội (n=356)		Vũ Chính (n=363)		Chung (n=719)	
	SL	%	SL	%	SL	%
TNGT	327	91,9	329	90,6	656	91,2
Điện giật	121	34,0	87	24,0	208	28,9
Đuối nước	70	19,7	114	31,4	184	25,6
Cháy, nổ	76	21,3	135	37,2	211	29,4
Bỏng	124	34,8	135	37,2	259	36,0
Ngộ độc	17	4,8	16	4,4	33	4,6
Tự tử	8	2,2	7	1,9	15	2,1
Té ngã	178	50,0	274	75,5	452	62,9
TNLD	281	78,9	285	78,5	566	78,7
Súc vật cắn	28	7,9	62	17,1	90	12,5
Kể được $\geq 7$ ý (70%)	15	4,2	40	11,0	55	7,7

Qua kết quả bảng 3.2 cho thấy đa số người dân đều kể được loại tai nạn giao thông (91,2%); sau đến tai nạn lao động (78,7%); té ngã là 62,9%; bỏng là 36%; cháy nổ là

29,4% và điện giật là 28,9%; tuy nhiên kể được 7 loại tai nạn thương tích trở lên chỉ chiếm 7,7%.



**Bảng 3.3. Kiến thức của người dân về ảnh hưởng của tai nạn thương tích đến cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày**

Ảnh hưởng TNTT	Vũ Hội (n=356)		Vũ Chính (n=363)		Chung (n=719)	
	SL	(%)	SL	(%)	SL	(%)
Sức khỏe	303	85,1	270	74,4	573	79,7
Kinh tế	235	66,0	264	72,7	499	69,4
Sức khỏe tâm thần	55	15,4	81	22,3	136	18,9
Người thân	106	29,8	53	14,6	159	22,1
Trả lời $\geq 3$ ý	57	16,0	30	8,3	87	12,1

Khi được hỏi về những ảnh hưởng của tai nạn thương tích đến cuộc sống sinh hoạt của người dân, thì có 79,7% trả lời là ảnh hưởng đến sức khỏe; 69,4% người dân cho rằng ảnh hưởng đến kinh tế; 22,1% cho rằng ảnh hưởng đến người thân. Số trả lời được từ 3 ý trở lên chiếm 12,1%.

**Bảng 3.4. Kiến thức của người dân về các loại tai nạn thương tích trong sinh hoạt**

TNTT gia đình	Vũ Hội (n=356)		Vũ Chính (n=363)		Chung (n=719)	
	SL	(%)	SL	(%)	SL	(%)
Bỏng nước sôi	246	69,1	199	54,8	445	62,0
Điện giật	203	57,0	100	27,5	303	42,1
Đứt tay	50	14,0	178	49,0	228	31,7
Té ngã	160	44,9	232	63,9	392	54,5
Ngộ độc	16	4,5	33	9,1	49	6,8
Tự tử	6	1,7	5	1,4	11	1,5
Súc vật cắn	32	9,0	82	22,6	114	15,9
Cháy nổ khí gas	56	15,7	67	18,5	123	17,1
Trả lời $\geq 5$ ý	4	1,1	7	1,9	11	1,5

Các loại tai nạn thương tích trong gia đình được người dân cho biết đó là bỏng nước sôi chiếm 62%; té ngã là 54,5%; điện giật là 42,1%; cháy nổ khí ga là 17%; súc vật cắn là 15,9%.

**Bảng 3.5. Kiến thức của người dân về phòng chống tai nạn thương tích trong sinh hoạt**

Phòng TNTT	Vũ Hội (n=356)		Vũ Chính (n=363)		Chung (n=719)	
	SL	(%)	SL	(%)	SL	(%)
Nhà ở đảm bảo	53	14,9	101	27,8	154	21,4
Điện an toàn	237	66,6	226	62,3	463	64,4
Gas an toàn	146	41,0	194	53,4	340	47,3
Nước sôi an toàn	162	45,5	145	39,9	307	42,7
Vật nuôi an toàn	20	5,6	35	9,6	55	7,7
Trả lời $\geq 3$ ý	42	11,8	89	24,5	131	18,2

Khi được hỏi về các biện pháp phòng chống tai nạn thương tích trong sinh hoạt hàng ngày, có 64,4% người dân đều nói đến an toàn điện; 42,7% cho rằng an toàn nước sôi và 47,3% là an toàn ga; có 18,2% số người kể được trên 3 biện pháp.

**Bảng 3.6. Kiến thức của người dân về tai nạn thương tích trong lao động**

TNTT lao động	Vũ Hội (n=356)		Vũ Chính (n=363)		Chung (n=719)	
	SL	(%)	SL	SL	SL	(%)
Điện giật	59	16,6	92	25,3	151	21,0
Đuối nước	20	5,6	50	13,8	70	9,7
Cháy nổ	89	25,0	68	18,7	157	21,8
Té ngã	213	59,8	213	58,7	426	59,3
Tai nạn do máy móc	226	63,5	252	69,4	478	66,5
Ngạt khí	23	6,5	55	15,2	78	10,9
Bỏng hóa chất	29	8,1	21	5,8	50	7,0
Trả lời $\geq 5$ ý	1	0,3	2	0,6	3	0,4

Kết quả bảng 3.6 cho thấy kiến thức của người dân về các loại tai nạn thương tích trong lao động: 66,5% biết tai nạn là do máy móc, dụng cụ lao động; 59,3% biết tai nạn té ngã; 21,8% là cháy nổ; 21% là do điện giật và 10,9% là ngạt khí. Tỷ lệ trả lời được 5 ý trở lên là 0,4%.



**Bảng 3.7. Mối liên quan giữa kiến thức của người dân về các loại tai nạn thương tích và trình độ học vấn**

Kiến thức	<THPT		≥THPT		Tổng	
	SL	(%)	SL	(%)		
Biết < 7 ý đúng	447	67,3	217	32,7	664	92,3
Biết ≥ 7 ý đúng	10	18,1	45	81,9	55	7,7
Tổng	457	63,6	262	36,4	719	100
OR (CI <sub>95%</sub> )	9,3 (4,4-20,0)					

Kết quả bảng 3.7 cho thấy có mối liên quan giữa kiến thức của người dân về các loại tai nạn thương tích và trình độ học vấn. Những người có trình độ học vấn từ THPT trở lên có kiến thức tốt hơn những người có trình độ học vấn dưới THPT với OR= 9,3.

**Bảng 3.8. Mối liên quan giữa kiến thức của người dân về ảnh hưởng tai nạn thương tích và trình độ học vấn**

Kiến thức	<THPT		≥THPT		Tổng	
	SL	(%)	SL	(%)		
Biết < 3 ý đúng	438	69,3	194	30,7	632	87,9
Biết ≥ 3 ý đúng	19	21,8	68	78,2	87	12,1
Tổng	457	63,6	262	36,4	719	100
OR (CI <sub>95%</sub> )	8,1(4,6-14,3)					

Bảng 3.8 cho thấy có mối liên quan giữa kiến thức của người dân về ảnh hưởng của tai nạn thương tích và trình độ học vấn. Những người có trình độ học vấn từ THPT trở lên có kiến thức tốt hơn những người có trình độ học vấn dưới THPT với OR= 8,1.

**Bảng 3.9. Mối liên quan giữa kiến thức của người dân về phòng chống tai nạn thương tích trong lao động và trình độ học vấn**

Kiến thức	<THPT		≥THPT		Tổng	
	SL	(%)	SL	(%)		
Biết < 3 ý đúng	446	65,5	235	34,5	681	94,7
Biết ≥ 3 ý đúng	11	28,9	27	71,1	38	5,3
Tổng	457	63,6	262	36,4	719	100
OR (CI <sub>95%</sub> )	4,7(2,2-10,2)					

Kết quả bảng 3.9 cho thấy có mối liên quan giữa kiến thức của người dân về phòng chống tai nạn thương tích trong lao động và trình độ học vấn. Những người có trình độ học vấn từ THPT trở lên có kiến thức tốt hơn những người có trình độ học vấn dưới THPT với OR= 4,7.

#### IV. BÀN LUẬN

Với nghiên cứu của chúng tôi muốn tìm thực trạng kiến thức của người dân một số xã vùng nông thôn Thái Bình về vấn đề này, nhằm từ đó làm cơ sở đưa ra các giải pháp để giảm thiểu gánh nặng tai nạn thương tích. Với trình độ những người được tham gia phỏng vấn có trình độ học vấn là THCS chiếm tỷ lệ cao nhất là 52,3%; THPT là 31,6%; 11,2% có trình độ tiểu học.

Kết quả bảng 3.3 cũng cho thấy tỷ lệ người dân cũng biết được ảnh hưởng của tai nạn thương tích nói chung là ảnh hưởng đến sức khỏe và kinh tế gia đình (79,7% và 69,4%); ảnh hưởng đến sức khỏe tâm thần là 18,9%; ảnh hưởng đến người thân là 22,1%. Như vậy, kiến thức của người dân về nội dung này cũng chưa thực sự tốt bởi vì họ mới chỉ nhìn thấy những ảnh hưởng trực tiếp đến họ là chính, họ chưa có nhìn nhận những ảnh hưởng mà tai nạn thương tích gây ra cho cộng đồng xã hội và cho những người thân.

Tỷ lệ hiểu biết về các cách để phòng tai nạn thương tích trong sinh hoạt thì cũng chỉ liệt kê được về điện, ga, nước sôi, chưa nhiều người đề cập đến vật nuôi trong nhà, thiết kế xây dựng nhà. Tỷ lệ trả lời được 3 ý đúng trở lên rất thấp (18,2%).

Có mối liên quan giữa kiến thức biết về các loại tai nạn thương tích và trình độ học vấn, những người có trình độ từ THPT trở lên có kiến thức đúng gấp 9,3 lần những người có trình độ dưới THPT. Khi được hỏi về ảnh hưởng của tai nạn thương tích thì những người từ THPT trở lên cũng có kiến thức tốt hơn người có trình độ dưới THPT với OR=8,1. Và cũng cho thấy kiến thức của người dân về phòng tránh tai nạn thương tích trong lao động ở những người có trình độ học vấn từ THPT trở lên cao hơn với OR =4,7.

#### V. KẾT LUẬN

- Kiến thức của người dân về các loại tai nạn thương tích còn chưa tốt thể hiện đa số người dân chỉ biết về tai nạn giao thông (91,2%); sau đến tai nạn lao động là 78,7%; té ngã là 62,9%; các loại khác chiếm tỷ lệ thấp. Tỷ lệ người kể được 7 loại tai nạn thương tích trở lên chiếm 7,7%.

- Kiến thức của người dân về phòng chống tai nạn thương tích còn thấp: trả lời được từ 3 ý trở lên chiếm tỷ lệ là 18,2% đối với tai nạn thương tích trong sinh hoạt; từ 5 ý trở lên đối với tai nạn thương tích trong lao động là 0,4%; từ 3 ý trở lên đối với tai nạn trong giao thông là 23,9%.

- Có mối liên quan giữa trình độ học vấn của người dân với kiến thức về tai nạn thương tích với OR=9,3; liên quan giữa trình độ học vấn với kiến thức về ảnh hưởng tai nạn thương tích với OR= 8,1; liên quan giữa trình độ học vấn với kiến thức về phòng chống tai nạn thương tích với OR= 4,7.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Tấn An, Đặng Văn Chính (2014), “Tỷ lệ chấn thương do tai nạn giao thông đường bộ và kết quả điều trị tại Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận năm 2011”, *Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh*, Tập 18, số 6, tr. 126.
2. Nguyễn Thế Bê (2013), *Nghiên cứu tai nạn thương tích và một số yếu tố ảnh hưởng đến tai nạn thương tích của người dân tỉnh Thái Bình năm 2011-2012*, Luận án Chuyên khoa cấp II, Trường Đại học Y Thái Bình
3. Lê Thanh Hải, Hà Công Thanh (2010), “Một số đặc điểm TNTT trẻ em vào cấp cứu tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới”, *Tạp chí Y học Thực hành*, (714), số 4, Tr. 59-61.
4. Lê Thị Hương, Nguyễn Thúy Quỳnh (2018), “Thực trạng tai nạn thương tích của học sinh Trường Trung học cơ sở Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội năm 2018”, *Tạp chí Y học dự phòng*, Tập 28, số 4(146), tr. 27.
5. Trần thị Thực, Nguyễn Thúy Quỳnh (2017), “Thực trạng tai nạn thương tích trong lao động của người làm mộc tại làng nghề mộc Vĩnh Đông, huyện Yên Lạc tỉnh Vĩnh Phúc năm 2017”, *Tạp chí Y học Dự phòng*, Tập 27, số 5, tr. 252.